

Bản án số: 574/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2017
Về “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nghiệp Hồng
2. Bà Bùi Thụy Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 11.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 219/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1958; địa chỉ: đường LLQ, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1965; địa chỉ: đường LLQ, Phường B, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị Kim A tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Đắc T, sinh ngày 16/5/1986 và Nguyễn Thiên T, sinh ngày 24/11/1993 đều đã thành niên.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà A phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân được 03 năm và không còn ở chung một nhà với bà A khoảng 04 tháng nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau, hai người con chung cũng đã trưởng thành có thể tự lo cho bản thân nên ông yêu cầu Tòa án

nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim A để hai người ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: 02 con chung tên là Nguyễn Đắc T, sinh ngày 16/5/1986 và Nguyễn Thiên T, sinh ngày 24/11/1993 đều đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn:

Theo Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 04/8/2017 do nguyên đơn ông Nguyễn Trung T cung cấp thì bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1965 hiện cư trú tại địa chỉ 109D/40A5 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà A nhưng bà A không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Trung T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim A; bà A hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim A tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/8/2017; tham gia phiên hòa giải ngày 22/8/2017; tham gia phiên tòa ngày 08/9/2017 và ngày 25/9/2017 nhưng bà A vắng mặt. Ngày 20/9/2017, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị Kim A tự nguyện kết hôn vào năm 1989, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01/89, ngày 27/7/1989. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Ông T và bà A chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Đắc T, sinh ngày 16/5/1986 và Nguyễn Thiên T, sinh ngày 24/11/1993 đều đã thành niên.

Mâu thuẫn giữa ông T và bà A phát sinh đã nhiều năm, nguyên nhân do do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân được 03 năm, đồng thời ông T đã không còn sống chung một nhà với bà A khoảng 04 tháng. Mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà A được chính quyền địa

phương biết và xác nhận. Nhận thấy, mục đích của hôn nhân không đạt, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, tình cảm của ông T đối với bà A không còn, hai người con chung cũng đã trưởng thành có thể tự lo cho bản thân. Ông T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim A để hai người ổn định cuộc sống riêng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà A. Bà A biết rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của ông T nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến phiên tòa hôm nay bà A cố tình không đến Tòa để giải quyết. Điều đó cho thấy bà A không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

- Về con chung: Hai con chung tên là Nguyễn Đắc T, sinh ngày 16/5/1986 và Nguyễn Thiên T, sinh ngày 24/11/1993 đều đã thành niên.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung T.

2. Ông Nguyễn Trung T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01/89 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/7/1989 không còn giá trị.

3. Về con chung:

Hai con chung Nguyễn Đắc T, sinh ngày 16/5/1986 và Nguyễn Thiên T, sinh ngày 24/11/1993 đều đã thành niên.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0004047 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND P.4, Q.11, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Loan